TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BĐ
TỈNH BP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2018
"V/v: Tranh chấp HN&GĐ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân
1. Ông Hà Quang Dương.
2. Ông Nguyễn Minh Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BP.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ tham gia phiên toà*:** Bà Mai Thị Thanh Tâm.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện BĐ, tỉnh BP. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 380/2017/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017. Về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 380/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Lê Thị L; Sinh năm 1981. (Có mặt)
HKTT: Thôn 3, xã TN, huyện BĐ, tỉnh BP.
2. *Bị đơn*: Hoàng Văn P; Sinh năm 1977. (Vắng mặt)
HKTT: Thôn 3, xã TN, huyện BĐ, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1999, có đăng kí kết hôn nhưng sau đó bị thất lạc giấy chứng nhận kết hôn, đến năm 2014 đăng ký kết hôn lại và được Ủy ban nhân dân xã TN, huyện BĐ, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi, thỉnh thoảng mới về.

Cũng trong thời gian này chị nghe thông tin anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị khuyên can Nhều lần nhưng anh P không nghe. Từ đó vợ chồng thường xuyên ra cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài liên tục trong thời gian dài và đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với anh P.

Chị và anh P có 03 con chung là Hoàng Thị Thùy Tr, sinh ngày 08/8/1999; Hoàng Công V, sinh ngày 22/6/2001 và Hoàng Thị Yến Nh, sinh ngày 01/6/2008. Hiện nay chị buôn bán thu nhập trung bình từ 12 đến 14 triệu đồng/tháng, có nơi ở ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi các con ăn học; Mặt khác, trong hai năm ly thân vừa qua anh P không có trách Nhệm với vợ con vì vậy chị đề nghị Tòa án giao hai con chung chưa thành niên là Hoàng Công V và Hoàng Thị Yến Nh cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Hoàng Thị Thùy Tr đã thành niên, tự chăm lo cho bản thân nên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn P: Anh P đã nhận thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải nhưng không hợp tác, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án, không tham gia phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

Cháu Hoàng Thị Thùy Tr trình bày: Cháu là con của ông P bà L, nay cha mẹ ly hôn cháu không có ý kiến về người trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho cháu, do cháu đã thành niên tự chăm lo cho bản thân. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Cháu Hoàng Công V và Hoàng Thị Yến Nh thống nhất trình bày: Các cháu là con của ông P bà L, nay cha mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ; Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Tại biên bản xác minh ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện BĐ đối với ông Nguyễn Văn Ch là thôn trưởng thôn 3, xã TN cho biết: "Ông P bà L thường xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân được dư luận phản ánh là một bên có quan hệ ngoại tình. Từ khoảng tháng 3/2017 ông P không sinh sống cùng bà L tại thôn 3, xã TN, thỉnh thoảng mới về một lần..".

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký và được Uỷ ban nhân xã TN cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2014; Quyển số 03/2013 ngày 20/01/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P là hôn nhân hợp pháp; Quá trình chung sống đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị L và anh P không có hạnh phúc, nguyên nhân là do chị L nghi ngờ anh P có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác, anh P không có trách Nhệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được; Từ tháng 3/2016 anh P chị L sống ly thân đến nay. Hiện nay chị L có nguyện vọng chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh P. Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn Hoàng Văn P không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến bằng văn cho Tòa án, không tham gia phiên họp và hòa giải cũng như phiên tòa sơ thẩm nên coi như bị đơn đã tự từ bỏ quyền chứng minh đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh P cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị L và anh P có 03 con chung là Hoàng Thị Thùy Tr, sinh ngày 08/8/1999; Hoàng Công V, sinh ngày 22/6/2001 và Hoàng Thị Yến Nh, sinh ngày 01/6/2008. Quá trình giải quyết vụ án, anh P không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án; chị L có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; Hai con chung chưa thành niên của chị L và anh P đều có nguyện vọng ở với chị L. Vì vậy, cần giao các con chung Hoàng Công V và Hoàng Thị Yến Nh cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh P có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung nên không xem xét. Đối với con chung Hoàng Thị Thùy Tr đã thành niên, không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

[3] Về tài sản, nợ chung: Chị L và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

2. Về con chung: Chị Lê Thị L có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Hoàng Công V, sinh ngày 22/6/2001 và Hoàng Thị Yến Nh, sinh ngày 01/6/2008. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021668 ngày 01/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh BP.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHADS huyện BĐ;
- UBND xã TN;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huệ